

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HSPT
Ngày: 30/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Kim Dung.

Ông Trần Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ái Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2017/TLPT-HS ngày 28/7/2017 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T; Hồ Minh C và người bị hại Trần Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Nguyễn Minh T (H), sinh năm: 1979.

- Hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, Long An;

- Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, Long An;

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12;

- Con ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị T;

- Vợ: Nguyễn Thị M; Con gồm có 02 người lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Minh C, sinh năm: 1996;

- Hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, Long An;

- Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, Long An;

- Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 11/12;

- Con ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị Thu T;

- Vợ: Phạm Huỳnh Anh T;
- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

- Người bị hại: Ông **Trần Văn D** (T), sinh năm 1964; Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn Đông T, huyện Đức H, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn D: Luật sư **Nguyễn Hòa B** - Văn phòng luật sư Nguyễn Hòa B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến Đ (C) do ông Hồ Văn H đại diện hợp pháp và Phạm Trọng C do ông Phạm Văn L là người đại diện hợp pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T tên gọi khác là H, nghi ngờ ông Trần Văn D (T) có mối quan hệ bất chính với vợ mình là Nguyễn Thị M. Nên T nảy sinh ý định đánh cảnh cáo ông D, để thực hiện ý định của mình, T nhiều lần nói với Hồ Minh C là cháu ruột của T (gọi T bằng cậu ba) gần nhà của T có một người tên D, hàng ngày thường hay tán tỉnh vợ T, T đánh không lại nhờ C đánh phụ. C đồng ý, và nói khi nào đánh thì điện cho C, để C đi ra cùng T đánh ông D.

T biết được chiều tối ông D thường chạy xe gắn máy một mình đến vườn chanh tại ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ (gần nhà T) ngủ để trông coi vườn. Nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/12/2016, T gọi điện cho C cùng mình đi đánh ông D. C liền điều khiển xe ra gặp T trên đường lộ nhựa thuộc ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ, C mang xe mô tô của mình gửi vào nhà chú ruột tên L (K) để lên xe T chở đi. Liên lúc đó có Nguyễn Tiến Đ (C) là em cô cậu ruột với C, đi xe mô tô chở theo bạn tên Phạm Trọng C chạy xe đến gặp T và C đứng ngoài đường, trước sân nhà anh L, Đ thấy T chở C đi nên hỏi đi đâu, T nói đi chơi, Đ nói cho đi với. T chở C đi bằng xe của T, còn Đ chở C đi theo sau. Khi T chở C rời nhà L khoảng 200m, có một bãi đất trống, T để C tại đây và nói: “mày đứng ở đây thấy một người đàn ông chạy xe cúp thì tao điện cho biết, bước ra chặn đường đánh”. T chạy xe về hướng cầu Mỹ Thành, còn Đ, C đứng chung với C. Khoảng 10 phút sau, ông D chạy xe từ nhà xuống vườn, đi ngang T. T liền điện thoại cho C để chặn đường đánh, nhưng máy của C không liên lạc được, T điều khiển xe chạy phía sau ông D, đến vị trí C đứng, bảo C ngồi lên xe để T điều khiển xe đuổi theo ông D. Khi xe chạy qua nhà ông 4 M, ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ khoảng 60m, T thấy cặp lề đường có đồng cây

người dân chặt làm củi, nên T dừng xe cho C xuống lấy một khúc cây làm hung khí đánh ông D.

T điều khiển xe đến cầu ông năm Đ (bảy N), ấp 2, xã Mỹ Thạnh Đ thì đuổi kịp xe ông D, T nói cho C biết đó là ông D, “đánh nó cho tao.” T điều khiển xe vượt lên bên trái xe ông D, C ngồi phía sau, cầm cây bằng tay phải đánh từ trên xuống trúng vào người ông D hai cái, trong đó có một cây đánh thẳng vào tay trái ông D đang cầm lái. Lúc này ông D dừng xe bên phải theo hướng đi của mình, T dừng xe trước đầu xe ông D khoảng 3m. C bước xuống xe tiếp tục dùng tay phải cầm cây đánh từ trên xuống vào người ông D, ông D đưa tay trái lên đỡ, nên đánh trúng vào tay trái của ông D làm C rút cây, ông D dùng tay phải nắm ngực áo của C, còn C thì cố gỡ tay của ông D ra, cả hai giằng co với nhau. Lúc đó, Đ (C) chạy xe tới, do xe đứt bóng đèn chiếu sáng nên Đ chờ C chạy qua vị trí đánh khoảng 9m thì Đ dừng xe lại, bảo C đứng trong xe. Đ đi bộ lại vị trí đang đánh nhau giữa ông D và C, Đ thấy T đứng tại xe của T, và đứng chống tay nhìn xem hai người đánh nhau. Đ tiếp tục bước gần đến vị trí hai người đang giằng co ôm nhau trong tư thế đứng, Đ dùng chân đạp vào phía sau người ông D một cái, làm ông D mất thăng bằng té xuống ruộng nước bên trái đường so với hướng đi, khi té ông D đang nắm ngực áo của C nên kéo C cùng té xuống ruộng. Cả hai tiếp tục giằng co với nhau dưới ruộng, Đ bỏ đi về vị trí để xe. T thấy vậy đi lại tách hai người này ra, T khom người xuống để gỡ tay ông D nhưng không gỡ được, T liền đạp vào vai ông D hai cái, nên ông D buông C ra và chạy ra phía ngoài ruộng cách đó khoảng 3m kêu cứu. T và C thấy vậy bỏ đi về, T lên xe chạy về nhà T hướng ra sông Vàm Cỏ Đông, còn Đ điều khiển xe chở C và C về nhà ông K. Ông D được người dân gần đó đưa vào nhà thay quần áo, đưa vào bệnh viện Đức Huệ cấp cứu, sau đó trình báo Công an xã Mỹ Thạnh Đ đến lập biên bản giải quyết vụ việc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 22 ngày 13/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An, Trần Văn D bị sưng đỉnh đầu đường kính 5cm. Vết thương vành tai phải 5cm x 0,5cm. Gãy kín 1/3 dưới xương trụ tay trái, kết luận tỷ lệ thương tích của là 12%..

Đối với hành vi của Nguyễn Tiến Đ: dùng chân đạp vào lưng ông D một cái, không gây thương tích. Tuy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi đó cũng đã xâm hại sức khỏe người khác, khi thực hiện hành vi vi phạm Đ đã được 16 tuổi 03 tháng 06 ngày, Công an huyện Đức H đã xử phạt hành chính 1.250.000 đồng, theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định số: 167/2013 /NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, Nguyễn Tiến Đ đã nộp phạt tại kho bạc nhà nước huyện Đức H theo biên lai thu tiền số 0008594 ngày 04 tháng 5 năm 2017.

Đối với Phạm Trọng C đi theo xe của Đ, không biết trước là đi đánh nhau, không tham gia đánh nhau, xét thấy hành vi của C không có dấu hiệu đồng phạm nên không xử lý là phù hợp nên không xét đến.

Về tang vật của vụ án:

- 01 (một) khúc cây tràm vàng dài 75cm, đường kính đầu lớn 3,5cm, đường kính đầu nhỏ 03cm, cân nặng 270 gram đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 215, màu trắng, bàn phím cơ, máy điện thoại sử dụng hai sim. Sim 1 số:0120.531.1642; Sim 2 số:0127.5239.879, của Nguyễn Minh T.

- 01(một) điện thoại di động hiệu Mobile Q25i, màu đen, bàn phím cơ, số điện thoại 0169.4729.631 của Hồ Minh C là công cụ, phương tiện mà C và T dùng để liên lạc với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với thẻ ghi âm của Nguyễn Minh T cung cấp cho Cơ quan cảnh sát điều tra, 01 (một) thẻ nhớ MP3 đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đã xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm a khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng: khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm a khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hồ Minh C** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho ông Trần Văn D 20.000.000 đồng, đã nộp 6.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo Hồ Minh C phải bồi thường cho ông Trần Văn D 15.865.261 đồng, đã nộp 5.000.000 đồng còn phải nộp tiếp 10.865.261 đồng (Mười triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi một đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của ông D cho đến khi bồi thường xong số tiền hàng tháng bị cáo T và bị cáo C còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thi hành theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tang vật, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C kháng cáo bổ sung yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại Trần Văn D.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, người bị hại Trần Văn D kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt cho các bị cáo và yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với

Nguyễn Tiến Đ (C) và Phạm Trọng C vì có tham gia đánh gây thương tích cho ông D. Yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C phải bồi thường cho ông D số tiền 67.965.261đ.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, bị cáo Hồ Minh C rút lại yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại Trần Văn D.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Tòa án ra quyết định số 02/2017/HSST-QĐ trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại tỷ lệ thương tích đối với người bị hại theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Minh T.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 2977/C54B ngày 08/9/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại kết luận tại thời điểm giám định ông Trần Văn D có tỷ lệ thương tật là 10%.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm nêu. Các bị cáo thừa nhận án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Hồ Minh C 02 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của các bị cáo gây thương tích cho người bị hại vì tỷ lệ thương tích của người bị hại giám định lại chỉ có 10%. Các bị cáo kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người bị hại ông Trần Văn D chỉ kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần. Tự nguyện rút kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo và không yêu cầu xem xét xử lý hình sự đối với các đối tượng khác. Ngày 30/9/2017, bị cáo Hồ Văn C có thỏa thuận tự nguyện bồi thường thêm và ông đã nhận số tiền 17.592.000đ.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận gây thương tích cho người bị hại Trần Văn D là 12%. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự là đúng tội, không oan. Sau khi kháng cáo bị cáo yêu cầu giám định lại thương tích của người bị hại, kết quả giám định tại thời điểm giám định là 10%. Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn L (bác ruột và chú ruột của bị cáo T) là liệt sỹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tuy nhiên trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo yêu cầu xin giám định lại thương tích của người bị hại. Qua kết luận giám định pháp y về thương tích số 2977/C54B ngày 08/9/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại kết luận tại thời điểm giám định ông Trần Văn D có tỷ lệ thương tật là 10% nên có căn cứ xem xét để xét xử các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự. Mặt khác trong vụ án này hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá là phạm tội có tổ chức và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng cho các bị cáo là không chính xác gây bất lợi cho bị

cáo khi lượng mức hình phạt. Các bị cáo còn nộp toàn bộ số tiền bồi thường theo án sơ thẩm tuyên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với kháng cáo của người bị hại Trần Văn D: Tại tòa phúc thẩm, ông D tự nguyện rút kháng cáo tăng hình phạt và không xem xét đối tượng khác, chỉ kháng cáo yêu cầu bồi thường thêm tổn thất tinh thần. Xét thương tích của người bị hại và mức độ tổn thất về tinh thần Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 04 tháng lương cơ bản là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư Nguyễn Hòa B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Trần Văn D trình bày: Tại tòa phúc thẩm, người bị hại xin rút kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt và không yêu cầu xem xét xử lý hình sự đối với các đối tượng khác và chỉ yêu cầu bồi thường thêm số tiền tổn thất tinh thần, hành vi của bị cáo gây thương tích cho người bị hại ảnh hưởng đến tinh thần làm người bị hại hoang mang lo sợ, cấp sơ thẩm chấp nhận tổn thất tinh thần với mức 04 tháng lương cơ bản là quá thấp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của người bị hại. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo Hồ Minh C có tự nguyện thỏa thuận và bồi thường số tiền 17.592.000đ. Người bị hại ông Trần Văn D đã nhận xong ngày 30/9/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, luật sư, Hội đồng xét xử thống nhất nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Hồ Minh C và người bị hại Trần Văn D thực hiện đúng theo quy định tại Điều 231, Điều 233 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xuất phát từ việc Nguyễn Minh T nghi ngờ vợ và Trần Văn D quan hệ thiếu trong sáng nên nảy sinh ý định đánh ông D để dằn mặt. Do T không đánh lại ông D nên T rủ thêm (cháu ruột) Hồ Minh C cùng đi đánh phụ, C đồng ý. Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 18/12/2016 T chuẩn bị hung khí là khúc cây trầm vàng dài 75cm, đường kính đầu lớn 3,5cm, đường kính đầu nhỏ 03cm, cân nặng 270 gram, điều khiển xe mô tô chở bị cáo C đi tìm và chặn đường đánh ông Trần Văn D. Khi đến khu vực ấp 2 xã Mỹ Thạnh Đ thấy ông D đang điều khiển xe mô tô, T điều khiển xe đuổi theo, C ngồi sau cầm cây bằng tay phải đánh từ trên xuống trúng vào người và tay trái ông D 02 cái, nên ông D dừng xe lại. Bị cáo C bước xuống xe tiếp tục cầm cây bằng tay phải đánh từ trên xuống trúng vào người ông D, ông D đưa tay trái lên đỡ, nên đánh trúng vào tay trái của ông D làm C rút cây, ông D dùng tay phải nắm ngực áo của bị cáo C, còn bị cáo C thì cố gỡ tay của ông D ra, cả hai giằng co với nhau thì Đ dùng chân đạp vào phía sau ông D làm cho

ông D và bị cáo C cùng té xuống ruộng, bị cáo T thấy vậy chạy đến đỡ đỡ ông D và C ra nhưng không đỡ được nên bị cáo T đã đạp vào vai ông D 02 cái nên ông D buông C ra và chạy kêu cứu, sau đó được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu và điều trị. Kết quả giám định pháp y về thương tích số 22 ngày 13/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An, kết luận tỷ lệ thương tích của Trần Văn D là 12%.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tích tại thời điểm gây thương tích là 12%. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật không oan.

Sau khi kháng cáo, bị cáo Nguyễn Minh T yêu cầu trung cầu Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định lại tỷ lệ thương tích của người bị hại. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 2977/C54B ngày 08/9/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tại thời điểm giám định, ông Trần Văn D có tỷ lệ thương tích là 10%. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo sử dụng khúc cây tràm vàng rắn chắc là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho ông D theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 2977/C54B ngày 08/9/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tại thời điểm giám định lại, ông Trần Văn D có tỷ lệ thương tích là 10% nên áp dụng điều khoản có lợi cho bị cáo và xét xử các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại tòa người bị hại ông Trần Văn D tự nguyện rút kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt và xử lý hình sự đối với các đối tượng khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xét đến.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng các bị cáo có rủi ro thực hiện hành vi phạm tội chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, phân nhiệm, sự cấu kết chặt chẽ để cùng thực hiện tội phạm không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tổ chức theo điểm a Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự là không đúng quy định của pháp luật gây bất lợi cho bị cáo. Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo T có ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn L (bác ruột và chú ruột) là liệt sỹ; Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa tiền, án tiền sự, người bị hại tự nguyện rút kháng cáo tăng hình phạt; các bị cáo khắc phục nộp toàn bộ số tiền bồi thường theo án sơ thẩm là các tình tiết theo điểm b, p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cải sửa án sơ thẩm về hình phạt. Xét thấy, bị cáo Hồ Minh C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại, người bị hại rút kháng cáo tăng nặng hình phạt, bị cáo là lao

động chính trong gia đình, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo C ra khỏi xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ để giáo dục bị cáo. Do đó áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo C hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các khoản chi phí điều trị thương tích, các hóa đơn chứng từ mà ông Trần Văn D cung cấp, cấp sơ thẩm chấp nhận và buộc bị cáo Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Hồ Minh C bồi thường 15.865.261 đồng cho anh Trần Văn D là phù hợp.

Xét kháng cáo của ông Trần Văn D yêu cầu bồi thường thêm tổn thất tinh thần thấy rằng: Xuất phát từ những nghi ngờ không có căn cứ, bị cáo T đã rủ C thực hiện hành vi gây thương tích gây thương tích 10% đối với ông D, làm ảnh hưởng đến tinh thần, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Do đó, kháng cáo của ông D và lời bào chữa của luật sư là có căn cứ, cần buộc bị cáo Nguyễn Minh T, Hồ Minh C phải liên đới bồi thường khoản bồi thường tổn thất tinh thần là 11 tháng lương cơ bản do Nhà nước quy định: $11 \times 1.300.000\text{đ/tháng} = 14.300.000\text{đ}$.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/8/2018, bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C đã nộp khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền như án sơ thẩm đã tuyên (bị cáo T nộp tiếp 14.000.000đồng theo biên lai thu số 0000840, bị cáo C nộp tiếp 10.865.621đồng theo biên lai thu số 0000839 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An). Ngoài ra, bị cáo Hồ Minh C còn tự nguyện bồi thường cho ông D số tiền 17.592.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Minh C tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trên cho ông D, ông D đồng ý và đã nhận số tiền 17.592.000đ. Xét thấy đây là thỏa thuận tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên cần ghi nhận để khấu trừ vào nghĩa vụ của các bị cáo đối với khoản bồi thường tổn thất về tinh thần mà cấp phúc thẩm chấp nhận.

Đối với trách nhiệm liên đới của các bị cáo về việc bồi thường tổn thất tinh thần đối với ông D khoản tiền 14.300.000đồng, do bị cáo C đã bồi thường trước cho ông D nên bị cáo T có trách nhiệm trả lại cho bị cáo C số tiền 7.150.000đồng hoặc tự thỏa thuận giải quyết trách nhiệm về khoản tiền bị cáo C đã bồi thường trước, nếu có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo, người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm **b** Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Hồ Minh C, người bị hại Trần Văn D; Cải sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 104; điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 104; điểm b, p, h Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Minh C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/9/2017).

Giao bị cáo Hồ Minh C cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Hồ Minh C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho ông Trần Văn D 20.000.000đ (bị cáo đã nộp xong).

Buộc bị cáo Hồ Minh C phải bồi thường cho ông Trần Văn D 15.865.261đ (bị cáo đã nộp xong).

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Hồ Minh C với ông Trần Văn D, bị cáo C bồi thường thêm cho ông D số tiền là 17.592.000đ (bị cáo đã bồi thường xong).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 14.000.000đ bị cáo Nguyễn Minh T theo biên lai số 0000840 ngày 24/8/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.865.621đ bị cáo Hồ Minh C nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An theo biên lai số 0000839 ngày 24/8/2017 để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 11.000.000đ do Công an huyện Đức Huệ nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An theo biên lai thu số 01237 ngày 23/5/2017 để đảm bảo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh T và Hồ Minh C, người bị hại Trần Văn D không phải chịu.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM (1);
- VKSNDCC tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (1);
- TAND huyện (2);
- VKSND huyện (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu: Hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

